

BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI TRONG QUAN HỆ LAO ĐỘNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY¹

TS PHAN THỊ NHẬT TÀI
Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

1. Quyền con người trong quan hệ lao động

Lao động là cội nguồn sự tiến hóa, phát triển của xã hội loài người, tạo ra của cải vật chất và giá trị tinh thần cho xã hội. Theo Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), quan hệ lao động (QHLĐ) là quan hệ giữa người lao động (NLD), tập thể người lao động với người sử dụng lao động (NSDLĐ) và tổ chức đại diện, được xác lập trên cơ sở pháp luật lao động bao gồm các tiêu chuẩn về lao động, cơ chế xác lập và vận hành QHLĐ, thiết chế giải quyết tranh chấp lao động, vai trò của các bên trong QHLĐ. Khoản 5, Điều 3 Bộ Luật Lao động năm 2019 quy định: “Quan hệ lao động là quan hệ xã hội phát sinh trong việc thuê mướn, sử dụng lao động, trả lương giữa NLD, NSDLĐ, các tổ chức đại diện của các bên, cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quan hệ lao động bao gồm quan hệ lao động cá nhân và quan hệ lao động tập thể”. Từ những khái niệm trên có thể xác định, quyền con người trong lao động là những quyền liên quan về điều kiện lao động, điều kiện sử dụng lao động, gồm các quyền cơ bản sau:

Quyền làm việc: Việc làm có ý nghĩa đặc biệt trong đời sống con người, là cơ sở giúp con người mưu sinh để sống, phát triển và cải thiện chất lượng cuộc sống. Vì mỗi cá nhân có sự khác nhau về thể chất, năng lực nên họ cần lựa chọn nghề nghiệp, việc làm phù hợp bản thân. Hay nói cách khác, người lao động có quyền tự do trong việc lựa chọn nghề nghiệp, việc làm; việc họ tham gia vào quan hệ lao động nào đó xuất phát từ nhu cầu và trên cơ sở

thỏa thuận với người sử dụng lao động.

Quyền hưởng lương: Tiền lương là khoản tiền chủ yếu trong tổng số thu nhập của người lao động giúp người lao động nuôi sống bản thân, giúp tích lũy, phòng ngừa rủi ro, giải quyết các nhu cầu cá nhân và gia đình. Có thể nói tiền lương là mục đích chính, động lực để người lao động tham gia vào quan hệ lao động; vì vậy họ có quyền và phải được hưởng lương xứng đáng, đúng công sức.

Quyền đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh lao động: Khi tham gia quan hệ lao động, người lao động trực tiếp chịu ảnh hưởng các điều kiện lao động, người sử dụng lao động có trách nhiệm đảm bảo để người lao động được làm việc trong môi trường, điều kiện an toàn. Để đảm bảo quyền này của người lao động, người sử dụng lao động phải có trách nhiệm trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động và cải thiện điều kiện lao động.

Quyền thành lập, gia nhập và hoạt động tổ chức đại diện người lao động: Quyền tự do liên kết được xem là một quyền đặc biệt của người lao động. Quyền này được thừa nhận mang tính khách quan để nhằm cân bằng vị thế người lao động và người sử dụng lao động trong quan hệ lao động. Nền dân chủ và sự phát triển bền vững kinh tế của một quốc gia sẽ không tồn tại khi bộ phận dân cư bị tước đi quyền được tự thành lập tổ chức để bảo vệ quyền, lợi ích của mình. Do đó, Điều 2 Công ước số 87 về quyền tự do công đoàn và bảo vệ quyền công đoàn của ILO (năm 1948) quy định: “Tất cả người lao động

và người sử dụng lao động đều có quyền thành lập và gia nhập các tổ chức theo sự lựa chọn của họ với điều kiện tuân thủ Điều lệ của các tổ chức đó". Quyền này cũng đồng thời được ghi nhận trong nhiều văn kiện, công ước của Liên Hợp Quốc, cụ thể tại Khoản 1, Điều 22 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966. Và tại Khoản 1, Điều 8 Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa năm 1966.

Quyền được đảm bảo an sinh xã hội: là một trong những quyền con người cơ bản được ghi nhận tại Điều 22 và Điều 25 Tuyên ngôn quốc tế về Nhân quyền năm 1948: "Với tư cách là thành viên của xã hội, mọi người đều có quyền được hưởng an sinh xã hội cũng như được thực hiện các quyền về kinh tế, xã hội và văn hóa không thể thiếu đối với nhân phẩm và tự do phát triển nhân cách của mình, thông qua nỗ lực quốc gia, hợp tác quốc tế và phù hợp với hệ thống tổ chức và nguồn lực của mỗi quốc gia". Quyền được hưởng an sinh xã hội gồm quyền tiếp cận và duy trì những lợi ích bằng tiền mặt hoặc hiện vật, dựa trên sự bình đẳng, không có sự phân biệt đối xử nào, để bảo vệ con người khỏi các hoàn cảnh: (a) thiếu thu nhập từ việc làm do bệnh tật, khuyết tật, thai sản, tai nạn lao động, thất nghiệp, tuổi già, hoặc cái chết của một thành viên trong gia đình; (b) không có khả năng chi trả cho các dịch vụ chăm sóc sức khỏe; (c) không đủ khả năng hỗ trợ gia đình, đặc biệt là đối với trẻ em và những người lớn sống phụ thuộc. Mọi người đều có quyền được hưởng an sinh xã hội mà không có bất kỳ sự phân biệt nào dựa trên các yếu tố như thành phần, chủng tộc, tôn giáo, màu da....².

2. Thực trạng chính sách bảo đảm quyền con người trong quan hệ lao động ở Việt Nam

2.1. Giảm thiểu tình trạng đói nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống thông qua chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế

Hội nghị bàn về xóa đói giảm nghèo do Ủy ban Kinh tế - Xã hội khu vực châu Á - Thái Bình Dương xác định, đói nghèo là tình trạng một bộ phận dân cư không được hưởng và thỏa mãn những nhu cầu cơ bản của con người đã được xã hội thừa nhận tùy theo trình độ phát triển kinh tế - xã hội và phong tục tập quán của từng địa phương. Thực tế, không phải các trường hợp rủi ro, nguy hiểm, lạm dụng và bóc

lột lao động đều liên quan đến vấn đề đói nghèo, nhưng sự nghèo đói, thiếu thốn kinh tế để chi trả cuộc sống khiến người lao động dễ trở thành nạn nhân lao động cưỡng bức, quyền con người trong lao động bị xâm hại. Hiện trên thế giới, ước tính Liên Hợp Quốc năm 2022, khoảng 258 triệu người cần hỗ trợ lương thực khẩn cấp do ảnh hưởng xung đột, các cú sốc về kinh tế và các thảm họa khí hậu, tăng mạnh so với mức 193 triệu người của năm 2021, trong đó có tới hơn 250 triệu người tình trạng đói kém ở mức độ khẩn cấp, nhiều người có nguy cơ chết đói.

Ở Việt Nam, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân thông qua các chính sách kinh tế - xã hội nhằm phát triển, ổn định kinh tế, hướng đến xóa nghèo, thực hiện hiệu quả quyền con người ngày càng được quan tâm, điều này góp phần trong việc bảo đảm quyền con người trong quan hệ lao động. Thời gian qua, hàng loạt chính sách, chủ trương của Đảng, Nhà nước được ban hành và triển khai xuyên suốt như Nghị quyết 16/2021/QH15 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025; Nghị quyết 43/2022/QH15 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; Quyết định 202/QĐ-TTg năm 2023 về giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội... và gần đây nhất, Nghị quyết 103/2023/QH15 về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024.

Quá trình thực hiện mang lại kết quả bước đầu đáng ghi nhận: năm 2022, chất lượng tăng trưởng và hiệu quả kinh tế được cải thiện, GDP bình quân đầu người đạt 4.11 USD người tăng 393 USD so với năm 2021. GDP theo giá hiện hành năm 2022 đạt 9.513,3 nghìn tỷ đồng (409 tỷ USD) so với năm 2021 đạt 8.479,7 nghìn tỷ đồng (366,1 tỷ USD)³. Năm 2023, GDP quý III/2023 ước tính tăng 5,33% so với cùng kỳ năm 2022⁴. Tỷ lệ hộ nghèo tiếp cận đa chiều năm 2022 so với năm 2021 là 4,2% giảm 0,2 điểm phần trăm, trong đó khu vực thành thị là 1,5% tăng 0,5 điểm phần trăm, nông thôn là 5,9% giảm 0,6 điểm phần trăm. Năm 2022 đánh dấu sự khôi phục về kinh tế, sự cải thiện đời sống dân cư, cụ thể: chỉ số phát triển con người đạt 737 cao hơn năm 2021 là 0,726. Qua năm 2023, kinh tế thế giới

tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức vì gia tăng căng thẳng địa chính trị; xung đột Nga - Ucraina diễn biến phức tạp; biến đổi khí hậu gây hậu quả nghiêm trọng... nhưng tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý IV/2023 tăng 6,72% so với cùng kỳ năm 2022. GDP bình quân đầu người năm 2023 theo giá hiện hành ước đạt 101,9 triệu đồng/người, tăng 160 USD so với năm 2022. Năng suất lao động theo giá so sánh tăng 3,65% do trình độ của người lao động được cải thiện (lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ năm 2023 ước đạt 27%, cao hơn 0,6 điểm phần trăm so với năm 2022)⁵.

Theo Thông cáo báo chí về tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2023 của Tổng cục Thống kê Việt Nam, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội năm 2023 theo giá hiện hành ước đạt 3.423,5 nghìn tỷ đồng, tăng 6,2% so với năm 2022; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam năm 2023 ước đạt 23,18 tỷ USD, tăng 3,5% so với năm 2022, đạt mức cao nhất từ năm 2019 đến nay. Trong đó, vốn thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2023 tăng 21,2% so với năm 2022, điều này phản ánh kết quả nỗ lực của Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương trong việc quyết liệt đẩy mạnh thực hiện vốn đầu tư công thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

2.2. Tăng cường phòng, chống tội phạm, đặc biệt tội phạm mua bán người

Ngày nay, buôn bán người vẫn nạn mang tính toàn cầu, gắn với tội phạm có tổ chức với thủ đoạn tinh vi, phức tạp qua các hình thức như tham quan, du lịch, ký kết làm ăn kinh tế, lao động xuất khẩu, tổ chức kết hôn qua môi giới, nhận con nuôi... Nạn nhân các vụ mua bán người chủ yếu làm nô lệ tình dục, lấy nội tạng, bào thai, đẻ thuê, lao động cưỡng bức... Theo cơ quan phòng chống ma túy và tội phạm của Liên Hợp Quốc, lao động cưỡng bức là hình thái phổ biến thứ hai của nạn buôn người; lừa đảo môi giới việc làm xuyên biên giới thường nhắm tới người lao động chưa có năng lực kiểm định thông tin và việc làm, xâm phạm nghiêm trọng quyền con người trong lao động.

Nhìn nhận buôn bán người là tội ác, các tổ chức quốc tế, đặc biệt là các tổ chức về nhân quyền và các quốc gia đã nỗ lực đấu tranh, phòng chống nạn buôn bán người ở nhiều cấp độ, cụ thể: Liên Hợp

Quốc đã có Nghị định thư về phòng ngừa, trấn áp và trừng trị nạn mua bán người, Công ước về trấn áp việc buôn bán người và bóc lột mại dâm người khác năm 1949. Tổ chức ASEAN có Công ước ASEAN về phòng, chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em năm 2015... Điều đó thể hiện sự cam kết mạnh mẽ, quyết tâm chung các quốc gia thành viên trong cuộc đấu tranh chống nạn mua bán người. Việt Nam đã ban hành hệ thống pháp luật phòng, chống nạn mua bán người như Luật phòng, chống mua bán người năm 2011; Nghị định 09/2013/NĐ-CP hướng dẫn Luật phòng, chống mua bán người; Thông tư 35/2013/TT-BLĐTĐBXH hướng dẫn Nghị định 09/2013/NĐ-CP về Luật Phòng, chống mua bán người; Bộ Luật Hình sự 2015...

Hoạt động phòng, chống loại tội phạm này cũng được Việt Nam triển khai trên nhiều mặt trận. Cụ thể, trong Quý III/2023, tổng đài hỗ trợ nạn nhân bạo lực giới, mua bán người (1900.969680) đã tiếp nhận, xử lý 283 cuộc gọi với 292 lượt tham vấn về tâm lý, chính sách, các dịch vụ hỗ trợ nạn nhân, người có nguy cơ cao là nạn nhân. Lực lượng công an tiếp nhận giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố 92 vụ; phát hiện, điều tra 85 vụ với 230 đối tượng phạm tội liên quan, số nạn nhân 224 người với theo các tội danh quy định tại Điều 150, Điều 151, Bộ Luật Hình sự. Hệ thống xét xử - Tòa án nhân dân đã thụ lý theo thủ tục sơ thẩm 48 vụ với 139 bị cáo (tăng 18 vụ và 68 bị cáo so với quý III/2022); đã giải quyết, xét xử 30 vụ với 77 bị cáo, trong đó 07 bị cáo bị tuyên phạt tù từ trên 15 năm đến 20 năm (tội phạm đặc biệt nghiêm trọng); 28 bị cáo bị tuyên phạt tù từ 7 năm đến 15 năm (tội phạm rất nghiêm trọng)... Sự nhanh chóng, kịp thời trong hoạt động thụ lý, xét xử với các bản án nghiêm khắc đã góp phần tạo sức răn đe với loại tội phạm mua bán người⁶.

Tỷ lệ thất nghiệp càng nhiều thì tỷ lệ tội phạm càng gia tăng. Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09-7-2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm (sau đây gọi chung là Nghị định số 61/2015/NĐ-CP); Thông tư 01/2020/TT-BLĐTĐBXH hướng dẫn thực hiện Nghị định 61/2015/NĐ-CP quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm và Nghị định

74/2019/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 61/2015/NĐ-CP do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành ngày 20-02-2020; Thông tư 11/2022/TT-BLĐTBXH hướng dẫn nội dung thực hiện hỗ trợ việc làm bền vững thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành ngày 30-6-2022... và hàng loạt chính sách khác về việc làm được Việt Nam triển khai.

Kết quả đạt được: tỷ lệ thất nghiệp độ tuổi lao động cả nước năm 2022 sơ bộ là 2,34% giảm 86 điểm phần trăm so với năm 2021; tỷ lệ thiếu việc làm độ tuổi lao động năm 2022 là 2,21% giảm 0,89 điểm phần trăm so với năm 2021⁷; năm 2023, lao động có việc làm là 51,3 triệu người, tăng 683 nghìn người (tương ứng tăng 1,35%) so với năm 2022, riêng quý IV/2023, tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động là 2,26% giảm 0,06 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2022. Thu nhập bình quân của lao động quý IV/2023 là 7,3 triệu đồng/tháng, tăng 180.000 đồng so với quý III/2023 và tăng 444.000 đồng so với cùng kỳ năm 2022. Tính chung năm 2023, thu nhập bình quân của lao động là 7,1 triệu đồng/tháng, tăng 6,9%, tương ứng 459.000 đồng so với năm trước.

3. Một số giải pháp bảo đảm quyền con người trong lao động thời gian tới

Thứ nhất, nâng cao hiệu quả thực thi chính sách an sinh xã hội

Bảo trợ xã hội là tổng thể biện pháp, chính sách Nhà nước và cộng đồng giúp đỡ đối tượng bị lâm vào cảnh rủi ro, bất hạnh, nghèo đói, khuyết tật... vượt qua những khó khăn, ổn định cuộc sống và hòa nhập cộng đồng, là một trong những hoạt động góp phần bảo đảm quyền con người trong xã hội. Theo báo cáo của ILO và Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc, có quá ít tiến bộ đạt được trong việc đảm bảo tất cả trẻ em đều được hưởng bảo trợ xã hội hiện nay. Trên toàn thế giới hiện có 73,6%, tương đương khoảng 1,5 tỷ trẻ từ 0 - 14 tuổi, không nhận được hỗ trợ theo diện trợ cấp tiền mặt cho các hộ gia đình hoặc trẻ em.

Ở Việt Nam “trợ giúp xã hội”, được xác định là một phần trong năm trụ cột hệ thống an sinh xã hội, chính sách trợ giúp xã hội (thường xuyên và đột xuất) thực hiện rộng hơn cả về quy mô và đối tượng thụ hưởng với mức trợ giúp ngày càng tăng. Kinh

phí trợ giúp thường xuyên từ ngân sách nhà nước, số người thụ hưởng luôn tăng, như từ 2,6 triệu người năm 2014 lên 2,863 triệu người năm 2018 và lên 3,718 triệu người năm 2023. Công tác an sinh xã hội định kỳ, giảm nghèo bền vững Việt Nam rất quan tâm, năm 2022 tổng giá trị tiền, quà hỗ trợ là hơn 14,4 nghìn tỷ đồng, trong đó hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo 2,4 nghìn tỷ đồng; hỗ trợ cứu đói đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15-3-2021 hơn 2,7 nghìn tỷ đồng.

Tuy nhiên, tiêu chí trong xác định đối tượng nghèo, cận nghèo trên thực tế còn nhiều bất cập, chưa phù hợp và linh hoạt đối với từng khu vực trên toàn quốc. Cụ thể tại Nghị định 07/2021/NĐ-CP quy định về chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025, việc xác định mức nghèo, cận nghèo... ngoài tiêu chí thu nhập còn dựa trên sự thiếu hụt các chỉ số cơ bản⁸. Trong đó có những chỉ số làm căn cứ xác định hoàn toàn phụ thuộc phần lớn sự chủ động của các hộ nghèo, cận nghèo; nói cách khác nhiều hộ nghèo, cận nghèo nhưng không chịu nỗ lực thoát nghèo thậm chí có tư tưởng ỷ lại, ví dụ: hộ sinh con dầy, con đông khi xác định trên tiêu chí chất lượng nhà ở, diện tích nhà ở hoàn toàn không đạt sẽ tiếp tục được nhận bảo trợ, thực tế bản thân không có việc làm nhưng các hộ đó không chịu thực hiện kế hoạch hoá gia đình, sinh con liên tục vì suy nghĩ “đã có nhà nước lo”; nhiều gia đình không cho con đi học khi nhận thức việc học không quan trọng bằng đi làm kiếm tiền, điều này ảnh hưởng khách quan tiêu chí xác định tình trạng đi học của trẻ em... Vì vậy, cần những biện pháp, quy định loại trừ các hộ lợi dụng chính sách bảo trợ, buộc họ phải có trách nhiệm chính với chính bản thân, cộng đồng và xã hội, như xây dựng mức bảo trợ có sự gia hạn giảm dần, cùng với cam kết thời gian thoát nghèo phù hợp từng nhóm đối tượng.

Thứ hai, chú trọng chính sách hỗ trợ cho người học trong giáo dục, đồng thời tăng cường giám sát hoạt động thực thi chính sách

Một trong những lý do người lao động bị xâm phạm quyền, trở nên yếu thế, dễ bị bóc lột, bị lạm dụng là vì thiếu trình độ dẫn đến thiếu cơ hội lựa chọn việc làm, thiếu kiến thức, kỹ năng để tìm hiểu và nhận biết thông tin tránh bị lừa đảo, dụ dỗ. Theo Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc (UNESCO) công bố, số trẻ em và thanh,

thiếu niên thất học từ năm 2021 đến nay tăng thêm 6 triệu trẻ, nâng tổng số trẻ thất học trên toàn cầu hiện lên tới 250 triệu người⁹. Tại Hội nghị Thượng đỉnh Chuyển đổi Giáo dục của Liên Hợp Quốc năm 2022, UNESCO kêu gọi 141 quốc gia đã cam kết cần phải được thể hiện bằng hành động, bởi với tình trạng hiện nay thì sẽ có 84 triệu trẻ em không được học tiểu học vào năm 2030¹⁰.

Việt Nam là một trong những nước UNESCO ghi nhận có thành tích rất quan trọng về phổ cập, đổi mới giáo dục. Kết quả điều tra SDGCW Việt Nam 2020 - 2021 của UNICEF, có 98,3% trẻ em hoàn thành chương trình tiểu học; 86,8% hoàn thành chương trình trung học cơ sở; 58,1% hoàn thành chương trình trung học phổ thông. Đây là kết quả quá trình thực hiện nghiêm túc các đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”¹¹ hay chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước qua Nghị quyết 29-NQ/TW năm 2013 đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Nghị định 20/2014/NĐ-CP về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Thông tư 36/2013/TT-BGDĐT sửa đổi Quy định điều kiện, tiêu chuẩn, quy trình công nhận phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi... Kết quả Việt Nam đạt được đến quý IV năm 2023, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ năm 2023 là 27%, tăng 0,6 điểm phần trăm so với năm 2022.

Tuy nhiên, Việt Nam cần tiếp tục tăng cường giám sát hiệu quả các chương trình triển khai trên thực tế. Ví dụ: Nghị định số 116/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn được ban hành mang ý nghĩa hết sức nhân văn, là trách nhiệm và sự quan tâm của Đảng, Nhà nước với các con em, ở những vùng đặc biệt khó khăn. Nhưng vụ việc “11 em học sinh chan cơm 02 gói mì tôm” xảy ra ở trường Phổ thông Dân tộc bán trú Tiểu học Hoàng Thu Phố 1, Bắc Hà, Lào Cai cho thấy bất cập xuất hiện từ người thực thi, đồng thời sự việc đã chỉ ra hạn chế của cơ chế giám sát. Vì vậy, việc chú trọng hoạt động giám sát song song công tác nhân sự là cốt lõi, cần được lưu tâm hơn. Lựa chọn cán bộ đủ tài đức đảm nhiệm thi hành chính sách vô cùng quan trọng, không khác gì giao cho cán bộ ngành tòa án vai trò “cầm cân nảy mực” trong xét xử, để

tạo ra sự công bằng trong xã hội.

Thứ ba, xây dựng thiết chế và các quy định pháp luật hướng dẫn về thành lập, hoạt động của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở, đồng thời có những cơ chế, chính sách phù hợp để phát huy vai trò của cán bộ công đoàn cơ sở

Tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở là tổ chức được thành lập trên cơ sở tự nguyện của người lao động tại một đơn vị sử dụng lao động nhằm mục đích bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động trong quan hệ lao động thông qua thương lượng tập thể hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật về lao động. Tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở bao gồm công đoàn cơ sở và tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp¹². Hiện nay, lao động cưỡng bức xảy ra ở nhiều nơi, không chỉ tại những nơi có tổ chức đại diện người lao động, mà còn tại những nơi chưa có tổ chức đại diện người lao động, đặc biệt là đối với khu vực kinh tế phi chính thức. Do đó, trong thời gian tới việc ban hành các thiết chế luật và quy định hướng dẫn cụ thể trong việc thành lập tổ chức đại diện người lao động (ngoài tổ chức Công đoàn đã có trước nay) là rất quan trọng khi mà các quan hệ lao động khu vực kinh tế phi chính thức từ Nhà nước đang ngày càng phát triển ở Việt Nam.

Tại Khoản 8, Điều 10 Luật Công đoàn quy định, công đoàn có trách nhiệm đại diện tập thể NLĐ khởi kiện tại tòa án khi quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tập thể NLĐ bị xâm phạm hoặc khi quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của NLĐ bị xâm phạm và được NLĐ ủy quyền. Thực tế, cán bộ công đoàn cơ sở vốn là NLĐ hoạt động kiêm nhiệm, lương và các lợi ích kinh tế đều nhận từ NSDLĐ, nếu chống lại NSDLĐ bảo vệ NLĐ khác thì sẽ bị NSDLĐ tìm mọi cách để sa thải, hoặc gây khó khăn trong công việc; hơn nữa cán bộ công đoàn cơ sở thường được NSDLĐ bố trí làm công tác quản lý (ví dụ phó giám đốc, trưởng phòng tổ chức hoặc trưởng phòng nhân sự) nên họ cùng phía NSDLĐ. Dù Luật Công đoàn có quy định bảo vệ quyền lợi của cán bộ làm công tác công đoàn - Khoản 3 Điều 25 Luật Công đoàn, nhưng không có tính khả thi cao, nên việc nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp với vai trò của cán bộ công đoàn cơ sở cần tiếp tục.

Sau Đại dịch Covid-19, thế giới chứng kiến những đợt sa thải quy mô lớn đã diễn ra ở nhiều lĩnh vực. Ngoài ra, tác động từ những xung đột khu vực, trên thế giới ở nhiều lĩnh vực đang diễn ra, lao động Việt Nam chịu ảnh hưởng không nhỏ. Do đó Việt Nam đang ngày càng tích cực, nỗ lực xây dựng chính sách phát triển kinh tế, việc làm và phát triển thị trường lao động, các biện pháp chế tài xử lý hành vi vi phạm quyền của người lao động nhằm đảm bảo quyền con người trong quan hệ lao động nói chung, phòng chống lao động cưỡng bức nói riêng trước tình hình mới. Để đạt được hiệu quả cao, thì sự đồng lòng, chung tay của Đảng, Nhà nước và toàn dân được xác định là yếu tố then chốt.

1. Bài viết nằm trong nội dung nghiên cứu của đề tài “Phòng, chống lao động cưỡng bức dưới góc nhìn quyền con người ở Việt Nam” (Mã số T2023 -TN-11) do trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng chủ trì.
2. Vũ Công Giao, Nguyễn Thùy Dương: *Quyền được hưởng an sinh xã hội trong luật nhân quyền quốc tế và những vấn đề đặt ra với Việt Nam*, Nghiên cứu lập pháp số 1(353) - tháng 1/2018, <http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=210145>.
- 3, 7. Tổng cục Thống kê: *Niên giám thống kê 2022*, tr. 11, 17.

4. Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý III và 9 tháng năm 2023, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2023/09/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iii-va-9-thang-nam-2023/>.
5. Thông cáo báo chí về tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2023, <https://www.gso.gov.vn/tin-tuc-thong-ke/2023/12/thong-cao-bao-chi-ve-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2023/>.
6. <https://bocongan.gov.vn/tin-tuc-su-kien/tin-an-ninh-trat-tu/trong-quy-iii-2023-luc-luong-cong-an-xac-dinh-22-4-nan-nhan-bi-mua-ban-nguoi-d22-t36656.html>.
8. Với 12 chỉ số cơ bản được xác định gồm: việc làm; người phụ thuộc trong hộ gia đình; dinh dưỡng; bảo hiểm y tế; trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin.
9. <https://baothuatienhue.vn/the-gioi/unicef-the-gioi-hien-co-250-trieu-tre-em-that-hoc-132148.html>
10. Công bố của Liên Hợp Quốc tại Hội nghị Thượng đỉnh về các mục tiêu bền vững (SDG) diễn ra ở TP New York, Hoa Kỳ vào tháng 9 - 2023.
11. Thông tư 17/2022/TT-BTC hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030” do Bộ Tài chính ban hành ngày 08-03-2022.
12. Bộ Luật Lao động: Khoản 3, Điều 3. năm 2019.

NHẬN DIỆN VÀ ĐÁU TRANH CHỐNG LẠI QUAN ĐIỂM....

Tiếp theo trang 31

hội XIII của Đảng: “Chú trọng hơn giáo dục đạo đức, nhân cách, năng lực sáng tạo và giá trị cốt lõi, nhất là giáo dục tinh thần yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc, truyền thống và lịch sử dân tộc, ý thức trách nhiệm xã hội cho tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ”.

Kết luận

Nhận diện, nhận dạng các quan điểm sai trái, thù địch chống phá Triết học Mác - Lênin là “chỉ mặt, gọi tên” và làm “hiện hình” bản chất các quan điểm sai trái, thù địch mà các thế lực thù địch đang tiến hành. Đây là một quá trình khó khăn không hề dễ dàng đối với các giảng viên giảng dạy và nghiên cứu triết học ở các trường đại học. Bởi vì, các quan điểm sai trái, thù địch cũng không phải là bất biến, mà bản thân nó cũng vận động, biến hình, biến dạng để thích ứng với mọi điều kiện, hoàn cảnh và tình hình mới. Do đó, để nhận dạng đúng các quan điểm sai trái, thù địch, cần phải

dựa vào thế giới quan và phương pháp luận mácxít, đứng vững trên lập trường giai cấp công nhân, xuất phát từ lợi ích quốc gia, dân tộc, bình tĩnh, tỉnh táo xem xét, xử lý thấu đáo các vấn đề; không được đơn giản, hời hợt, vội vàng.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb CTQG, H, 2011, tr. 29.
2. <https://hdll.vn/vi/nguyen-cuu---trao-doi/nhan-dang-cac-quan-diem-sai-trai-thu-dich-chong-pha-nen-tang-tu-tuong-quan-diem-duong-loi-cua-dang-nha-nuoc-ta-hien-nay.html>.
- 3, 9. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t. 1, Nxb CTQG - ST, H, 2021, tr. 109, 47.
- 4, 5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung, phát triển năm 2011), Nxb CTQG - ST, H, 2011.
- 6, 7, 8. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t. 12, Nxb CTQG, H, 1995, tr. 628, 209, 241.

